**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN AN LÃO**
**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/DS-ST
Ngày 28-7-2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**
**N□ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO – TP. HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tuấn Anh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Văn Minh;

Ông Nguyễn Văn Thắng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lưu Hải Hà - Thư ký Tòa án nhân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Ông Phan Xuân Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2021/TLST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2021 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 347/2021/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên toà số: 414/2021/QĐST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2021, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 475/TB-TA ngày 23 tháng 6 năm 2021, Quyết định tạm ngừng phiên toà số 500/2021/QĐST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2021, Thông báo về thời gian mở lại phiên toà số 595/TB-TA, ngày 20 tháng 7 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V; trụ sở tại: Số L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Phạm Văn Đ - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ;

Ông Vương Văn T - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ;

Ông Nguyễn Quang T - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ;

(Theo Văn bản ủy quyền số 2916/2020/UQ-VPB ngày 31/10/2020 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V), ông Vương Văn T và Nguyễn Quang T vắng mặt, ông Phạm Văn Đ; có mặt.

- *Đồng bị đơn*:

+ Ông Phạm Ngọc Á; địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện A, Hải Phòng;

+ Bà Vũ Thị T; địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện A, Hải Phòng;

+ Chị Đỗ Lệ T; địa chỉ: Số H, thị trấn T, huyện A, Hải Phòng;

+ Anh Trịnh Bá T; địa chỉ: Số H, thị trấn T, huyện A, Hải Phòng.

Là Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ dân sự của bà Phạm Thị Kim L, Khu A, thị trấn T, huyện A, thành phố Hải Phòng (đã chết).

Ông Phạm Ngọc Á, bà Vũ Thị T, chị Đỗ Lệ T ủy quyền cho anh Trịnh Bá T (Theo Giấy ủy quyền ngày 24 tháng 3 năm 2021, có chứng thực của Uỷ ban nhân dân thị trấn T), anh Trịnh Bá T có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 10 năm 2020 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện An Lão, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V là ông Phạm Văn Đ, ông Vương Văn T, ông Nguyễn Quang T thống nhất trình bày:*

Bà Phạm Thị Kim L kí kết các Hợp đồng tín dụng, văn bản tín dụng và thẻ tín dụng để vay vốn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 4195614 ngày 17/08/2015 vay số tiền là 150.000.000 đồng; thời hạn vay: 72 tháng; mục đích vay: vay tiêu dùng mua sắm đồ dùng gia đình; lãi suất vay và kỳ hạn điều chỉnh: 13%/năm và được điều chỉnh 03 tháng/lần, biên độ +5%/năm;

- Hợp đồng tín dụng số 7014828 ngày 21/04/2016 vay số tiền là 14.000.000 đồng; thời hạn vay: 60 tháng; mục đích vay: mua sắm dụng cụ gia đình; lãi suất vay và kỳ hạn điều chỉnh: 20%/năm và được điều chỉnh 03 tháng/lần, biên độ +13%/năm;

- Hợp đồng tín dụng số 7276592 ngày 18/05/2016 vay số tiền là 100.000.000 đồng; thời hạn vay: 120 tháng; mục đích vay: tiêu dùng mua sắm trang thiết bị, nội

thất trong gia đình; lãi suất vay và kỳ hạn điều chỉnh: 15%/năm và được điều chỉnh 03 tháng/lần, biên độ +6.8%/năm;

- Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 17/04/2017 với hạn mức thẻ tín dụng là: 69.000.000 đồng;

- Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số CN/VN0010256/201706/12 ngày 16/06/2017, cụ thể số tiền vay là 40.000.000 đồng; thời hạn vay: 60 tháng; mục đích vay: tiêu dùng mua sắm nội thất gia đình; lãi suất vay: 20%/năm;

- Hợp đồng tín dụng số LN1708210161657 ngày 28/08/2017 vay số tiền 100.000.000 đồng; thời hạn vay: 120 tháng; mục đích vay: tiêu dùng mua sắm trang thiết bị gia đình; lãi suất vay và kỳ hạn điều chỉnh: 13%/năm và được điều chỉnh 03 tháng/lần, biên độ +5.5%/năm;

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số CFT/VN10324/201711/12 ngày 01/11/2017 vay số tiền là 53.000.000 đồng; thời hạn vay: 60 tháng; mục đích vay: vay tiêu dùng; lãi suất vay: 20%/năm;

- Hợp đồng tín dụng số LN1806140730478 ngày 22/06/2018 vay số tiền là 140.000.000 đồng; thời hạn vay: 120 tháng; mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh: cắt tóc, gội đầu, làm đẹp; lãi suất vay và kỳ hạn điều chỉnh: 12%/năm và được điều chỉnh 03 tháng/lần, biên độ +5%/năm.

Để đảm bảo cho các khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và bà Phạm Thị Kim L đã giao kết hợp đồng thế chấp tài sản số 4195614-TCTS, số công chứng 4673/2015, quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11 tháng 8 năm 2015. Tài sản thế chấp là toàn bộ Quyền sử dụng 135m$^2$ đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 29; tờ bản đồ số 198-D-III; địa chỉ: Khu A, thị trấn T, huyện A, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN833129, số vào sổ cấp GCN: CH00762/AL do UBND huyện An Lão cấp ngày 27/5/2013 cho bà Phạm Thị Kim L. Tài sản thế chấp được lập hợp đồng, công chứng, đăng ký giao dịch đảm bảo.Thực hiện các hợp đồng tín dụng, văn bản tín dụng và thẻ tín dụng nêu trên, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đã giải ngân đầy đủ cho bà Phạm Thị Kim L qua các uỷ nhiệm chi, phát hành thẻ tín dụng điện tử.

Trong quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng, văn bản tín dụng và thẻ tín dụng, bà Phạm Thị Kim L đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân

hàng Thương mại Cổ phần V đối với toàn bộ các khoản vay nêu trên, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 4195614, ngày 17/08/2015 bà L đã trả gốc 74.999.988 đồng, trả lãi 45.863.826 đồng đến ngày 15/9/2018 vi phạm nghĩa vụ trả nợ, hiện tại còn nợ gốc là 75.000.012 đồng, nợ lãi là 44.151.982 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 7014828 ngày 21/04/2016 bà L đã trả gốc 4.770.498 đồng, trả lãi 5.875.833 đồng đến ngày 29/8/2018 vi phạm nghĩa vụ trả nợ, hiện tại còn nợ gốc là 9.229.502 đồng, nợ lãi là 8.052.330 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 7276592 ngày 18/05/2016 bà L đã trả gốc 22.491.000 đồng, trả lãi 30.293.451 đồng đến ngày 15/9/2018 vi phạm nghĩa vụ trả nợ, hiện tại còn nợ gốc là 77.509.000 đồng, nợ lãi là 51.901.401 đồng.

- Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử phát hành ngày 17/04/2017 đến ngày 05/10/2018 bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ, hiện tại còn nợ gốc là 68.932.848 đồng, nợ lãi là 115.320.719 đồng.

- Thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số CN/VN0010256/201706/12 phát hành ngày 16/06/2017 đến ngày 15/9/2018 bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ, hiện tại còn nợ gốc là 33.694.286 đồng, nợ lãi là 30.067.290 đồng, phạt chậm trả lãi là 4.863.398 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số LN1708210161657 ngày 28/08/2017 đến ngày 15/9/2018 bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ, hiện tại còn nợ gốc là 90.004.000 đồng, nợ lãi là 54.990.802 đồng, phạt chậm trả lãi là 8.844.292 đồng.

- Thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số CFT/VN10324/201711/12 ngày 01/11/2017 đến ngày 04/10/2018 bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ, hiện tại còn nợ gốc là 47.354.812 đồng, nợ lãi là 41.548.915 đồng, phạt chậm trả lãi là 6.616.934 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số LN1806140730478 ngày 22/06/2018 đến ngày 19/9/2018 bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ, hiện tại còn nợ gốc là 137.680.001 đồng, nợ lãi là 80.818.993 đồng, phạt chậm trả lãi là 13.052.431 đồng.

Tính đến ngày 28 tháng 7 năm 2021, tổng cộng các khoản nợ chưa thanh toán của các hợp đồng tín dụng, văn bản tín dụng và thẻ tín dụng đã nêu trên của bà Phạm Thị Kim L như sau: Tổng cộng các khoản nợ của các hợp đồng tín dụng, văn bản tín dụng và thẻ tín dụng là 999.633.947 đồng (chín trăm chín mươi chín triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn chín trăm bốn mươi bảy đồng); trong đó: Nợ gốc là 539.404.461 đồng (năm trăm ba mươi chín triệu bốn trăm linh bốn nghìn bốn trăm sáu mươi mốt đồng), nợ lãi là 426.852.431 đồng (bốn trăm hai mươi sáu triệu tám trăm năm

mươi hai nghìn bốn trăm ba mươi mốt đồng), phạt chậm trả lãi là 33.377.055 đồng (ba mươi ba triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm năm mươi lăm đồng). Ngày 06 tháng 9 năm 2018, bà Phạm Thị Kim L chết tại nhà riêng của mình. Vì vậy, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc những người thuộc diện và hàng thừa kế di sản, kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà L là ông Phạm Ngọc Á, bà Vũ Thị T, chị Đỗ Lệ T, anh Trịnh Bá T phải thanh toán các khoản nợ của các hợp đồng tín dụng, văn bản tín dụng và thẻ tín dụng do bà L kí kết với Ngân hàng. Trường hợp anh T, chị T, ông Á, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đề nghị được phát mại tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng 135m$^2$ đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 29; tờ bản đồ số 198-D-III; địa chỉ: Khu A, thị trấn T, huyện A, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN833129, số vào sổ cấp GCN: CH00762/AL do UBND huyện An Lão cấp ngày 27/5/2013 cho bà Phạm Thị Kim L, để thu hồi nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án gia đình bà Phạm Thị Kim L đã nộp Giấy chứng tử số 36/TLKT ngày 07 tháng 9 năm 2018 của UBND thị trấn T xác định bà Phạm Thị Kim L chết hồi 21 giờ ngày 06 tháng 9 năm 2018. Ngày 02 tháng 4 năm 2021 những người thuộc diện và hàng thừa kế di sản, kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Phạm Thị Kim L gồm: Ông Phạm Ngọc Á, bà Vũ Thị T, chị Đỗ Lệ T, anh Trịnh Bá T đã thống nhất ủy quyền cho anh Trịnh Bá T tham gia tố tụng trong vụ án (Theo Giấy ủy quyền ngày 24 tháng 3 năm 2021, có chứng thực của Uỷ ban nhân dân thị trấn T). Tại bản tự khai, các phiên hoà giải và tại phiên toà anh Trịnh Bá T đã có ý kiến như sau: Anh Trịnh Bá T xác nhận các khoản nợ gốc và lãi đúng như Ngân hàng đã trình bày. Anh T đồng ý trả các khoản nợ gốc là 539.404.461 đồng. Đối với các khoản nợ lãi anh công nhận là đúng nhưng không đồng ý trả nợ lãi và phạt chậm trả lãi. Riêng vấn đề phát mại tài sản thế chấp, tại phiên toà anh T trình bày cá nhân anh đồng ý phát mại tài sản thế chấp để trả nợ còn chị T, ông Á, bà T vẫn giữ ý kiến không đồng ý phát mại tài sản thế chấp.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền của các đồng bị đơn là anh Trịnh Bá T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã cơ bản thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc những người thuộc diện và hàng thừa kế di sản, kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Phạm Thị Kim L là ông Phạm Ngọc Á, bà Vũ Thị T, chị Đỗ Lệ T, anh Trịnh Bá T phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tổng cộng là 999.633.947 đồng (chín trăm chín mươi chín triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn chín trăm bốn mươi bảy đồng); trong đó: Nợ gốc là 539.404.461đồng (năm trăm ba mươi chín triệu bốn trăm linh bốn nghìn bốn trăm sáu mươi mốt đồng), nợ lãi là 426.852.431 đồng (bốn trăm hai mươi sáu triệu tám trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm ba mươi mốt đồng), phạt chậm trả lãi là 33.377.055 đồng (ba mươi ba triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm năm mươi lăm đồng). Trường hợp ông Phạm Ngọc Á, bà Vũ Thị T, chị Đỗ Lệ T, anh Trịnh Bá T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp. Về án phí: Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ thuộc diện và hàng thừa kế di sản của bà Phạm Thị Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ngân hàng Thương mại Cổ phần V nhận chịu toàn bộ chí phí xem xét thẩm định tại chỗ nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua các tài liệu của vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn là những người thuộc diện và hàng thừa kế di sản, kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Phạm Thị Kim L gồm: Ông Phạm Ngọc Á, bà Vũ Thị T, chị Đỗ Lệ T, anh Trịnh Bá T. Anh Trịnh Bá T, chị Đỗ Lệ T đều trú tại: Số H, thị trấn T, huyện A, Hải Phòng. Ông Phạm Ngọc Á, bà Vũ Thị T; đều trú tại: Thôn H, xã Q, huyện A, Hải Phòng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp thuộc Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì các hợp đồng tín dụng, văn bản tín dụng và thẻ tín dụng do bà Phạm Thị Kim L ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V. Trường hợp bà L còn sống sẽ phải có nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ của các hợp đồng tín dụng, văn bản tín dụng và thẻ tín dụng do mình giao kết. Song do bà Phạm Thị Kim L đã chết ngày 06 tháng 9 năm 2018 mà theo quy định tại khoản 1 Điều 615 Bộ luật

Dân sự quy định về thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại là: *"Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại"*. Căn cứ lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Phạm Thị Kim L gồm: Ông Phạm Ngọc Á và bà Vũ Thị T là bố mẹ đẻ bà L; chị Đỗ Lệ T và anh Trịnh Bá T là con đẻ bà L. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Phạm Thị Kim L đã thống nhất ủy quyền cho anh Trịnh Bá T tham gia tố tụng trong vụ án (Theo Giấy ủy quyền ngày 24 tháng 3 năm 2021, có chứng thực của Uỷ ban nhân dân thị trấn T). Mặt khác, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đã có Đơn đề nghị ngày 20/7/2021 gửi Toà án xin xác định lại đối tượng bị Ngân hàng khởi kiện là ông Phạm Ngọc Á, bà Vũ Thị T, chị Đỗ Lệ T, anh Trịnh Bá T. Do đó, Hội đồng xét xử xác định ông Phạm Ngọc Á, bà Vũ Thị T, chị Đỗ Lệ T, anh Trịnh Bá T là đồng bị đơn trong vụ án.

[3] Trên cơ sở lời khai của các đương sự và chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ thấy rằng: Các hợp đồng tín dụng, văn bản tín dụng và thẻ tín dụng bà Phạm Thị Kim L kí kết để vay vốn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V là loại hợp đồng tín dụng có thời hạn, có lãi suất được quy định tại các Điều 463, khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự. Bà Phạm Thị Kim L vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với các hợp đồng tín dụng, văn bản tín dụng và thẻ tín dụng vào tháng 9 và tháng 10 năm 2018, đến ngày 20 tháng 01 năm 2021 Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đã khởi kiện bà L. Như vậy, theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự thì việc khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V là còn thời hiệu khởi kiện.

[4] Xét, các hợp đồng tín dụng, văn bản tín dụng và thẻ tín dụng do bà Phạm Thị Kim L ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, có chữ ký, con dấu của các bên là hợp đồng tín dụng hợp pháp nên có nghĩa vụ ràng buộc trách nhiệm đối với các bên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, theo bảng sao kê tín dụng ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V thì nợ gốc chưa thanh toán của các hợp đồng tín dụng, văn bản tín dụng và thẻ tín dụng như sau: Hợp đồng tín dụng số 4195614, ngày 17/08/2015 đã trả nợ gốc 74.999.988 đồng, còn nợ gốc là 75.000.012 đồng; hợp đồng tín dụng số 7014828 ngày 21/04/2016 đã trả nợ gốc 4.770.498 đồng còn nợ gốc là 9.229.502 đồng; hợp đồng tín dụng số 7276592 ngày 18/05/2016 đã trả nợ gốc 22.491.000 đồng còn nợ gốc là 77.509.000 đồng; giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử phát hành ngày 17/04/2017 còn nợ gốc là 68.932.848 đồng; thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số CN/VN0010256/201706/12 phát hành ngày 16/06/2017 nợ gốc là 33.694.286 đồng; hợp đồng tín dụng số LN1708210161657 ngày 28/08/2017 còn nợ gốc là 90.004.000 đồng; thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số

CFT/VN10324/201711/12 ngày 01/11/2017 còn nợ gốc là 47.354.812 đồng; hợp đồng tín dụng số LN1806140730478 ngày 22/06/2018 còn nợ gốc là 137.680.001 đồng (có bảng kê tính lãi và tổng hợp dư nợ kèm theo). Tổng cộng các khoản nợ gốc chưa thanh toán của các hợp đồng tín dụng, văn bản tín dụng và thẻ tín dụng là 539.404.461 đồng (năm trăm ba mươi chín triệu bốn trăm linh bốn nghìn bốn trăm sáu mươi mốt đồng). Từ tháng 9 và tháng 10 năm 2018 bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm hợp đồng. Việc để xảy ra tranh chấp hoàn toàn do lỗi của bên vay. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với nghĩa vụ trả nợ của bên vay thể hiện nội dung "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*". Mặt khác, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Phạm Thị Kim L do anh Trịnh Bá T là đại diện theo uỷ quyền cũng đã thừa nhận và đồng ý trả số nợ gốc. Vì vậy, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V yêu cầu ông Phạm Ngọc Á, bà Vũ Thị T, chị Đỗ Lệ T, anh Trịnh Bá T trả số tiền nợ gốc là 539.404.461 đồng (năm trăm ba mươi chín triệu bốn trăm linh bốn nghìn bốn trăm sáu mươi mốt đồng) là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5] Về lãi suất căn cứ Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng có quy định: *"1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng. 2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"*.

[5.1] Đối với yêu cầu về thanh toán các khoản nợ lãi trong hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, văn bản tín dụng và thẻ tín dụng cụ thể là: Hợp đồng tín dụng số 4195614, ngày 17/08/2015 đã trả lãi 45.863.826 đồng còn nợ lãi là 44.151.982 đồng; hợp đồng tín dụng số 7014828 ngày 21/04/2016 đã trả lãi 5.875.833 đồng còn nợ lãi là 8.052.330 đồng; hợp đồng tín dụng số 7276592 ngày 18/05/2016 đã trả lãi 30.293.451 đồng còn nợ lãi là 51.901.401 đồng; giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử phát hành ngày 17/04/2017 còn nợ lãi là 115.320.719 đồng; thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số CN/VN0010256/201706/12 phát hành ngày 16/06/2017 còn nợ lãi là 30.067.290 đồng; hợp đồng tín dụng số LN1708210161657 ngày 28/08/2017 còn nợ lãi là 54.990.802 đồng; thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số CFT/VN10324/201711/12 ngày 01/11/2017 còn lãi là 41.548.915 đồng; hợp đồng tín dụng số LN1806140730478 ngày 22/06/2018 còn nợ lãi là 80.818.993 đồng (có bảng kê tính lãi và tổng hợp dư nợ kèm theo). Tổng cộng các khoản nợ lãi trong hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, văn bản tín dụng và thẻ tín dụng là

426.852.431 đồng (bốn trăm hai mươi sáu triệu tám trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm ba mươi mốt đồng) là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5.2] Đối với yêu cầu về thanh toán các khoản phạt chậm trả lãi, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V chỉ yêu cầu đối với các hợp đồng tín dụng, văn bản tín dụng và thẻ tín dụng hai bên kí kết trong năm 2017 và 2018, cụ thể là: Thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số CN/VN0010256/201706/12 phát hành ngày 16/06/2017 phạt chậm trả lãi là 4.863.398 đồng; hợp đồng tín dụng số LN1708210161657 ngày 28/08/2017 phạt chậm trả lãi là 8.844.292 đồng; thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số CFT/VN10324/201711/12 ngày 01/11/2017 phạt chậm trả lãi là 6.616.934 đồng; hợp đồng tín dụng số LN1806140730478 ngày 22/06/2018 phạt chậm trả lãi là 13.052.431 đồng (có bảng kê tính lãi và tổng hợp dư nợ kèm theo). Tổng cộng các khoản phạt chậm trả lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, văn bản tín dụng và thẻ tín dụng hai bên kí kết trong năm 2017 và 2018 là 33.377.055 đồng (ba mươi ba triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm năm mươi lăm đồng). Tại điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 quy định: "*Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*". Tại điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: "*Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% mức lãi suất vay do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*". Do đó, yêu cầu về thanh toán các khoản phạt chậm trả lãi của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đối với các hợp đồng tín dụng, văn bản tín dụng và thẻ tín dụng là 33.377.055 đồng (ba mươi ba triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm năm mươi lăm đồng), là có căn cứ, cần chấp nhận.

[6] Như vậy, yêu cầu thanh toán các khoản nợ đối với các hợp đồng tín dụng, văn bản tín dụng và thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V với những người thuộc diện và hàng thừa kế di sản, kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà L là Ông Phạm Ngọc Á, bà Vũ Thị T, chị Đỗ Lệ T, anh Trịnh Bá T cần chấp nhận là: Nợ gốc 539.404.461 đồng (năm trăm ba mươi chín triệu bốn trăm linh bốn nghìn bốn trăm sáu mươi mốt đồng) + nợ lãi 426.852.431 đồng (bốn trăm hai mươi sáu triệu tám trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm ba mươi mốt đồng) + phạt chậm trả lãi là 33.377.055 đồng (ba mươi ba triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm năm mươi lăm đồng) = 999.633.947 đồng (chín trăm chín mươi chín triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn chín trăm bốn mươi bảy đồng). Chia kỷ phần Ông Phạm Ngọc Á, bà Vũ Thị T, chị Đỗ Lệ T, anh Trịnh Bá T mỗi người phải liên đới trả cho Ngân

hàng Thương mại Cổ phần V là 249.908.487 đồng (hai trăm bốn mươi chín triệu chín trăm lẻ tám nghìn bốn trăm tám mươi bảy đồng).

[7] Về yêu cầu phát mại tài sản thế chấp của ngân hàng: Tài sản thế chấp là toàn bộ Quyền sử dụng 135m$^2$ đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 29; tờ bản đồ số 198-D-III; địa chỉ: Khu A, thị trấn T, huyện A, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN833129, số vào sổ cấp GCN: CH00762/AL do UBND huyện An Lão cấp ngày 27/5/2013 cho bà Phạm Thị Kim L. Tài sản thế chấp được hai bên ký hợp đồng thế chấp tài sản số: 4195614-TCTS, số công chứng 4673/2015, quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11 tháng 8 năm 2015, công chứng, đăng ký giao dịch đảm bảo. Toàn bộ tài sản thế chấp này là tài sản của bà Phạm Thị Kim L trước khi chết. Nên đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 317, Điều 318, Điều 323 và Điều 299 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tại Điều 2 của hợp đồng thế chấp tài sản số: 4195614-TCTS, số công chứng 4673/2015, quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11 tháng 8 năm 2015 quy định: " *Tài sản thế chấp nêu tại Điều 1 hợp đồng này bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền bồi thường thiệt hại, chi phí xử lý tài sản thế chấp….ký giữa bên Ngân hàng và bên thế chấp trong thời gian kể từ ngày 11/8/2015 đến ngày 11/8/2020*". Như vậy, toàn bộ Quyền sử dụng 135m$^2$ đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 29; tờ bản đồ số 198-D-III; địa chỉ: Khu A, thị trấn T, huyện A, thành phố Hải Phòng là tài sản thế chấp cho các Hợp đồng tín dụng, văn bản tín dụng và thẻ tín dụng mà bà Phạm Thị Kim L đã kí kết để vay vốn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V. Do vậy, yêu cầu đề nghị phát mại tài sản thế chấp được Hội đồng xét xử chấp nhận. Theo quy định tại khoản 1 Điều 615 Bộ luật Dân sự: *"Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại"*. Nên ông Phạm Ngọc Á, bà Vũ Thị T, chị Đỗ Lệ T, anh Trịnh Bá T chỉ chịu trách nhiệm thanh toán các khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V trong phạm vi tài sản thế chấp.

[8] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Phạm Thị Kim L gồm ông Phạm Ngọc Á, bà Vũ Thị T, chị Đỗ Lệ T, anh Trịnh Bá T phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 41.989.018 đồng. Chia kỷ phần ông Phạm Ngọc Á, bà Vũ Thị T, chị Đỗ Lệ T, anh Trịnh Bá T mỗi người phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, đã làm tròn số là 10.497.000 đồng (mười triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn đồng). Do ông Phạm Ngọc Á, bà Vũ Thị T là người trên 60 tuổi, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Á, bà T được miễn án phí. Hoàn trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện An Lão.

[9] Về chi phí tố tụng khác: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V nhận chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định. Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đã nộp đủ toàn bộ chi phí xem xét thẩm định là 3.349.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ quy định tại các điều 274, khoản 1 điều 275, 280, 317, 318, 323, 299, 463, điểm b khoản 5 Điều 466, điều 469, khoản 2 điều 470 và khoản 1 điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ quy định tại Điều 91; Điều 93; Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V:

- Buộc ông Phạm Ngọc Á, bà Vũ Thị T, chị Đỗ Lệ T, anh Trịnh Bá T phải liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V các khoản nợ đối với các hợp đồng tín dụng, văn bản tín dụng và thẻ tín dụng tính đến ngày 28/7/2021, Tổng cộng các khoản nợ đối với các hợp đồng tín dụng, văn bản tín dụng và thẻ tín dụng là 999.633.947 đồng (chín trăm chín mươi chín triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn chín trăm bốn mươi bảy đồng). Trong đó, nợ gốc 539.404.461 đồng (năm trăm ba mươi chín triệu bốn trăm linh bốn nghìn bốn trăm sáu mươi mốt đồng), nợ lãi 426.852.431 đồng (bốn trăm hai mươi sáu triệu tám trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm ba mươi mốt đồng), phạt chậm trả lãi là 33.377.055 đồng (ba mươi ba triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm năm mươi lăm đồng). Chia kỷ phần Ông Phạm Ngọc Á, bà Vũ Thị T, chị Đỗ Lệ T, anh Trịnh Bá T mỗi người phải liên đới

trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V là 249.908.487 đồng (hai trăm bốn mươi chín triệu chín trăm lẻ tám nghìn bốn trăm tám mươi bảy đồng).

Cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số 4195614, ngày 17/08/2015 nợ gốc là 75.000.012 đồng, nợ lãi là 44.151.982 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 7014828, ngày 21/04/2016 nợ gốc là 9.229.502 đồng, nợ lãi là 8.052.330 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 7276592 ngày, 18/05/2016 nợ gốc là 77.509.000 đồng, nợ lãi là 51.901.401 đồng.

Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử phát hành ngày 17/04/2017 nợ gốc là 68.932.848 đồng, nợ lãi là 115.320.719 đồng.

Thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số CN/VN0010256/201706/12 phát hành ngày 16/06/2017 nợ gốc là 33.694.286 đồng, nợ lãi là 30.067.290 đồng, phạt chậm trả lãi là 4.863.398 đồng.

Hợp đồng tín dụng số LN1708210161657 ngày 28/08/2017 nợ gốc là 90.004.000 đồng, nợ lãi là 54.990.802 đồng, phạt chậm trả lãi là 8.844.292 đồng.

Thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số CFT/VN10324/201711/12 ngày 01/11/2017 nợ gốc là 47.354.812 đồng, nợ lãi là 41.548.915 đồng, phạt chậm trả lãi là 6.616.934 đồng.

Hợp đồng tín dụng số LN1806140730478 ngày 22/06/2018 đến ngày 19/9/2018 nợ gốc là 137.680.001 đồng, nợ lãi là 80.818.993 đồng, phạt chậm trả lãi là 13.052.431 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên bản án sơ thẩm, người phải thi hành án còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng, cụ thể là: Hợp đồng tín dụng số 4195614 ngày 17/08/2015; Hợp đồng tín dụng số 7014828 ngày 21/04/2016; Hợp đồng tín dụng số 7276592 ngày 18/05/2016; Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 17/04/2017; Thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số CN/VN0010256/201706/12 ngày 16/06/2017; Hợp đồng tín dụng số LN1708210161657 ngày 28/08/2017; Thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số CFT/VN10324/201711/12 ngày 01/11/2017; Hợp đồng tín dụng số LN1806140730478 ngày 22/06/2018, giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần V với bà Phạm Thị Kim L cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

- Trường hợp ông Phạm Ngọc Á, bà Vũ Thị T, chị Đỗ Lệ T, anh Trịnh Bá T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp toàn bộ Quyền sử dụng 135m$^2$ đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 29; tờ bản đồ số 198-D-III; địa chỉ: Khu A, thị trấn T, huyện A, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN833129, số vào sổ cấp GCN: CH00762/AL do UBND huyện An Lão cấp ngày 27/5/2013 cho bà Phạm Thị Kim L để thu hồi nợ.

2. Về án phí:

- Anh Trịnh Bá T, chị Đỗ Lệ T mỗi người phải nộp 10.497.000 đồng (mười triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn đồng), án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tạm ứng án phí 17.650.000 đồng (mười bảytriệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện An Lão theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011667, ngày 18 tháng 01 năm 2021.

3. Về quyền kháng cáo bản án:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, ông Phạm Ngọc Á, bà Vũ Thị T, chị Đỗ Lệ T, anh Trịnh Bá T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận :***
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKS ND TP. Hải Phòng;
- VKS ND huyện An Lão;
- Chị cục THA Dân Sự huyện An Lão;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tuấn Anh**